

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Vạn Sinh.

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:
Ông Từ Quốc Quyền – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08-3-2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-9-2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tú T, sinh năm 1987 – Có mặt.

Trú tại: Tổ C, xã Lâm S, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Ngô Minh L, sinh năm 1986 – Có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01-3-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Tú T trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Ngô Minh L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Lâm S, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai vào ngày 28/9/2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó đến tháng 11/2012 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh L không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, hay rượu chè. Từ đó vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã lẫn nhau không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ

chồng kéo dài căng thẳng nhất là từ tháng 03/2017 và chúng tôi đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi có nguyện vọng xin ly hôn anh L.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Ngô Lê Thành Đ, sinh ngày 06/11/2012 và cháu Ngô Lê Gia B, sinh ngày 29/11/2015. Hiện nay hai cháu đang ở với anh Ngô Minh L. Tôi không có công việc ổn định nhưng đi làm theo mùa vụ, lúc thì đi làm cạo mủ cao su, lúc thì đi thầu điều. Thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/tháng. Tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho 02 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Minh L trình bày có nội dung: Tôi và chị Lê Thị Tú T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lâm S, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai vào ngày 28/9/2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chủ yếu là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình, hiện nay tôi vẫn còn tình cảm với chị T nên tôi không đồng ý ly hôn và có mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Ngô Lê Thành Đ, sinh ngày 06/11/2012 và cháu Ngô Lê Gia B, sinh ngày 29/11/2015. Hiện nay hai cháu đang ở với tôi.

Trong trường hợp tòa án giải quyết cho tôi và chị T ly hôn thì tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho 02 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay tôi đang làm thợ cửa sắt tại xã Phan D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bình quân mỗi tháng thu nhập 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh tại địa phương thì vợ chồng chị T, anh L sau khi kết hôn không có về cư trú, sinh sống, làm ăn tại tổ dân phố T, phường A, thị xã B. Tuy nhiên đến cuối năm 2015 anh Ngô Minh L cùng 02 con nhỏ trở về tổ dân phố T, phường A, thị xã B cư trú, sinh sống và làm ăn mà không thấy chị T trở về cùng chăm sóc con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị Tú T được ly hôn với ông Ngô Minh L. Về con chung giao hai con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 01-3-2018 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 07-3-2018 Tòa án thông báo nộp tạm ứng án phí, ngày 07-3-2018 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Tú T và anh Ngô Minh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn UBND xã Lâm S, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai vào ngày 28/9/2012. Trong quá trình chung sống anh L, chị T xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài căng thẳng nhất là từ tháng 03/2017 và chị T, anh L đã sống ly thân từ đó đến nay. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Lê Thị Tú T và anh Ngô Minh L đã vi phạm nghiêm trọng, quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Lê Thị Tú T ly hôn anh Ngô Minh L là phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và phù hợp với các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị Lê Thị Tú T và anh Ngô Minh L có 02 con chung Ngô Lê Thành Đ, sinh ngày 06/11/2012 và cháu Ngô Lê Gia B, sinh ngày 29/11/2015. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cả hai cháu đang ở với anh L và đang có cuộc sống ổn định, phát triển đầy đủ cả về mặt vật chất, lẫn tinh thần, anh L có công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc 02 con chung. Do đó HĐXX nhận thấy giao con chung là Ngô Lê Thành Đ, sinh ngày 06/11/2012 và Ngô Lê Gia B, sinh ngày 29/11/2015 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về chia tài sản: Chị T, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Nguyên đơn chị Lê Thị Tú T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Tú T.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị Tú T được ly hôn với anh Ngô Minh L.

2. **Về con chung:** Giao con chung là Ngô Lê Thành Đ, sinh ngày 06/11/2012 và Ngô Lê Gia B, sinh ngày 29/11/2015 cho anh Ngô Minh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị T, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. **Về chia tài sản:** Chị T, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. **Về án phí:** Nguyên đơn chị Lê Thị Tú T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0001107 ngày 07-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ. Bị đơn anh Ngô Minh L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

6. **Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Hường

